

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Cảng vụ Hàng không;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT

Ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	1.004480 1.004465	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. - Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng 	Hàng không	Cục HKVN

			không dân dụng Việt Nam.		
2.	1.004419 1.004418	Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp	<p>- Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.</p> <p>- Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.</p> <p>Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.</p>	Hàng không	Cục HKVN

2. Danh mục thủ tục hành chính công bố bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.004421	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài	- Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. - Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.	Hàng không	Cục HKVN
2	1.004420	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài	- Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. - Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.	Hàng không	Cục HKVN

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

A. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

1. Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

1.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

- Hãng hàng không nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ.

- Trường hợp thay đổi một trong các nội dung của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé đã được cấp, hãng hàng không nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

*** Trường hợp cấp mới:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép, trong trường hợp không cấp Giấy phép, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

*** Trường hợp cấp lại:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp lại Giấy phép;

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp mới:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;

b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các Giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

c) Bản sao Điều lệ hoạt động của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

d) Bản sao các tài liệu xác nhận quyền sử dụng trụ sở nơi đặt Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé tại Việt Nam;

đ) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với văn bản bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh).

* Trường hợp cấp lại:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;

b) Các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị thay đổi bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp mới: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Trường hợp cấp lại: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hãng hàng không nước ngoài.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

1.8. Phí, lệ phí: 2.000.000đ/lần cấp.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé.

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày thángnăm

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của hãng hàng không:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên của Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé:

Tên viết tắt (nếu có):

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé:

Họ và tên: Giới tính:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:

Do: cấp ngày tháng năm tại

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-
-
-

**Đại diện có thẩm quyền
của hãng hàng không**
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên,
đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của hãng hàng không:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam đã được cấp số:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không:

.....
.....
.....

Đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

[Ví dụ:

Tên của Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé:.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/ Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:
Họ và tên:..... Giới tính:.....
Quốc tịch:.....
Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....
Do: cấp ngày tháng năm tại.....]

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.
- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-
-
-

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp

2.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.

- Doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký, trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận.

* Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định;
- b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;
- d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp Việt Nam.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

2.8. Phí, lệ phí: 2.400.000đ/lần cấp.

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp (*Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình*).

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp (*Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài*).

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

- Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP**
(Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký
xuất vận đơn hàng không thủ cấp của mình)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký
doanh nghiệp):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp).....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại: Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp
của doanh nghiệp Việt Nam (nêu rõ tên tổ chức, cá nhân).

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp;
- Bản sao mẫu vận đơn thủ cấp của doanh nghiệp giao nhận;
- Biên lai nộp lệ phí.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP**
(Áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn
hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký
doanh nghiệp):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp).....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại: Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp Việt Nam đã hoàn thành thủ
tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước
ngoài trên cơ sở thoả thuận ký ngày ... tháng ...năm.....

Giữa

Tên Công ty

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số: ngày/...../.....

do cấp với ngành nghề

Và

Tên doanh nghiệp giao nhận nước ngoài

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh
doanh).....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do:..... cấp ngày thángnăm tại.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.
- Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không của doanh nghiệp Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể ký tên,
đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp;
- Bản sao mẫu vận đơn thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;
- Biên lai nộp lệ phí.